

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2020/DS-PT
Ngày 29 - 12 - 2020
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Hùng

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Lệ Kiều

Ông Trương Thanh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Trung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Thị Hồng Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2020/TLPT-DS ngày 21 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2020/DS-ST ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 126/2020/QĐ-PT ngày 03 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Cao Hoàng G, sinh năm 1972

Địa chỉ: ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1954

Địa chỉ: ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Trương Thanh T, sinh năm 1963.

Địa chỉ: ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

+ Ông Cao B (tên gọi khác P), sinh năm 1927

Địa chỉ: ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Cao B: Bà Cao Mỹ T, sinh năm 1969. Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau.

+ Bà Cao Tú D (tên gọi khác U), sinh năm 1964

Địa chỉ: khóm 5, phường 1, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

+ Ông Cao Hoài V (tên gọi khác C), sinh năm 1954

Địa chỉ: ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

+ Bà Cao Thị K (tên gọi khác Cao Tú K), sinh năm 1952

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau.

+ Bà Cao Mỹ T, sinh năm 1969

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau.

+ Ông Cao Hoài V (tên gọi khác Năm H), sinh năm 1958

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau.

+ Bà Cao Tú M (tên gọi khác M), sinh năm 1960

Địa chỉ: ấp 4, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

+ Bà Cao Mỹ H, sinh năm 1970

Địa chỉ: ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

+ Bà Cao Tú Đ (tên gọi khác T), sinh năm 1956

Địa chỉ: ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

+ Bà Cao Tú L (tên gọi khác L), sinh năm 1961

Địa chỉ: ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

+ Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu

Địa chỉ: ấp 3, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tô Minh Đ, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Cao Hoàng G, sinh năm 1972.

(Đương sự G, H, T, T, V, M. Các đương sự khác vắng nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Cao Hoàng G trình bày: Phần đất tranh chấp có nguồn gốc của ông Nguyễn Văn T chuyển nhượng cho ông Cao B diện tích 10 công tầm cây. Khoảng năm 1987 ông Cao B cho vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Trương Thanh T mượn phần đất ngang 06m, dài 36m để nuôi gà vịt, việc cho mượn đất chỉ nói miệng, không có giấy tờ gì, phần đất này ông H có trả cho ông B 10 gia lúa. Trong khoảng thời gian này, ông B cho ông H mượn thêm phần đất là cái địa chiều ngang 06m, dài 36m, việc ông B cho ông H mượn phần đất này không có làm giấy tờ gì.

Ngày 19/12/2014 (âm lịch) ông B có nhờ ông Cao Hoài V là con ông Cao B (anh ruột của ông) làm “Tờ nhượng đất” nội dung ông B chuyển nhượng cho ông H phần đất 02 tầm cây và cho 02 tầm cây, tuy nhiên nội dung tờ chuyển nhượng không thể hiện đúng ý chí của ông B, vì cha ông chỉ chuyển nhượng cho ông H phần đất 02 tầm cây và cho mượn phần đất 02 tầm cây và mẹ ông cũng không có ký tên vào tờ chuyển nhượng đất. Phần đất này trước đây cha ông đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến ngày 29/3/2017 cha ông và các anh chị em trong gia đình thống nhất tặng cho lại ông phần đất này và ông đã được chuyển quyền sử dụng đúng theo quy định pháp luật. Ông H sử dụng phần đất gia đình ông cho mượn đến năm 2017, khi gia đình ông nạo vét mương thì ông H rào lưới, ngăn cản. Nay ông rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần đất ngang 06m, dài 36m, ông chỉ yêu cầu ông H, bà T cùng có nghĩa vụ trả cho ông diện tích đất qua đo đạc thực tế là 215,36m², ông đồng ý bồi thường công cải tạo, bồi đắp phần đất với số tiền 5.000.000 đồng và đồng ý bồi thường giá trị các cây trồng trên phần đất theo biên bản định giá tài sản ngày 22/5/2018. Ngoài ra ông không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày: Năm 1987, ông nhận chuyển nhượng của ông Cao B phần đất ngang 04 tầm, dài 12 tầm, với giá 10 gia lúa, không có làm giấy tờ. Từ khi nhận chuyển nhượng đất đến nay vợ chồng ông trực tiếp quản lý, sử dụng, không ai có ý kiến gì, phần đất nêu trên ông để trồng một phần, phần còn lại thì ông trồng cây như đuốc, trầm, dừa. Đến năm 2014, do ông B đã cao tuổi nên ông yêu cầu ông B làm giấy viết tay cho ông, vì sợ tranh chấp với các con ông B. Ngày 19/12/2014, ông Cao Hoài V là con ông Cao B trực tiếp đo đạc, cắm ranh phần đất ông B chuyển nhượng cho ông và viết dùm ông B tờ nhượng đất, nhưng ông B yêu cầu ông viết nội dung chuyển nhượng cho ông phần đất ngang 02 tầm, dài 12 tầm và cho ông phần đất ngang 02 tầm, dài 12 tầm, có chữ ký xác nhận của ông Cao B, 02 người làm chứng là ông Trương T và bà Lương Thị L. Ông sử dụng đến năm 2017, khi ông mang xáng cuốc vào cuốc đất thì ông G ngăn cản, nên tranh chấp. Trong quá trình sử dụng phần đất này ông Cao B đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất thì ông không biết, khi ông B chuyển nhượng cho ông phần đất có một phần là cái ao, ông đã bơm đất để bồi đắp ao với chi phí là 35.000.000 đồng. Tuy nhiên ông không yêu cầu xem xét công cải tạo, bồi đắp và bồi thường giá trị các cây trồng có trên đất. Ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện đòi quyền sử dụng đất của ông G và yêu cầu hủy một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của ông Cao B với ông Cao Hoàng G và công nhận quyền sử dụng phần đất này cho gia đình ông theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thanh T trình bày: Bà thống nhất với ý kiến của ông H, bà không có ý kiến gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cao Hoài V trình bày: Ông xác nhận tờ nhượng đất ngày 19/12/2014 là do ông viết với nội dung là ông B chuyển nhượng cho ông H phần đất ngang 02 tầm, dài 12 tầm và cho mượn phần đất ngang 02 tầm, dài 12 tầm, khi ông viết thì ông H đọc cho ông ghi nên ông ghi nhầm là cho. Phần đất này năm 2017, cha ông và các anh chị em ông đã

thống nhất cho ông G, nên ông không có ý kiến gì, ông yêu cầu ông Hòa trả lại phần đất nêu trên cho ông G.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Cao Mỹ T (cũng là người đại diện theo ủy quyền cho ông Cao B) trình bày: Trước đây cha ông là ông Cao B có cho ông H phần đất ngang 02 tầm, dài 12 tầm để cất nhà ở và 01 phần đất ngang 02 tầm, dài 12 tầm (là cái ao), ông H có đền ơn cha ông 10 gia lúa. Ngày 19/12/2014 ông Cao Hoài V có viết giấy chuyển nhượng đất dùm cho ông B, nhưng mẹ bà là bà Trương Thị L và các anh chị em trong gia đình không biết và không đồng ý việc chuyển nhượng này, phần đất này gia đình bà thống nhất tặng cho lại ông G nên ông G có quyền khởi kiện yêu cầu ông H giao trả phần đất này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Cao Tú L, bà Cao Mỹ H, bà Cao Thị K, bà Cao Tú Đ, bà Cao Tú D, bà Cao Tú M, ông Cao Hoài V thống nhất trình bày: Nguồn gốc phần đất hiện ông G và ông H đang tranh chấp là của ông Cao B, nhưng ông B cho ông H mượn vào năm 1987, hiện phần đất này ông Cao B, bà Trương Thị L và các anh, chị, em trong gia đình thống nhất tặng cho lại ông G, nên ông bà không có ý kiến gì đối với phần đất này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đại diện Ủy ban nhân dân huyện Đ trình bày: Phần đất tranh chấp giữa ông G và ông H có diện tích 215.36 m² tại một phần thửa số 0078, tờ bản đồ số 08 (theo bản đồ 299 thành lập năm 1995) và tại một phần thửa số 86 tờ bản đồ số 06 (theo bản đồ chính quy được lập năm 2006) được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng năm 1995, đứng tên Cao B và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ xác nhận cho tặng quyền sử dụng đất cho ông Cao Hoàng G năm 2017. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Cao B là phù hợp với trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thời điểm cấp giấy.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2020/DS-ST ngày 10/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Cao Hoàng G đối với ông Nguyễn Văn H phần đất ngang 06m, dài 36m tại một phần thửa số 86, tờ bản đồ số 06 (theo bản đồ địa chính chính quy lập năm 2006) đất tọa lạc tại ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Cao Hoàng G đối với ông Nguyễn Văn H về việc tranh chấp quyền sử dụng đất diện tích 215,36m², đất nuôi trồng thủy sản (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), đất tại một phần thửa số 86, tờ bản đồ số 06 (theo bản đồ địa chính chính quy lập năm 2006) do ông Cao Hoàng G đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (theo điều chỉnh quyền sử dụng đất của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ ngày 29/3/2017) tọa lạc tại ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (tuyên kèm vị trí tứ cận).

3. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng diện tích 215,36m². Đất nuôi trồng thủy sản (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), tại một phần thửa số 86, tờ bản đồ số 06 (theo bản đồ địa chính chính quy lập năm 2006) do ông Cao Hoàng G đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (theo điều chỉnh quyền sử dụng đất của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ ngày 29/3/2017) tọa lạc tại ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (tuyên kèm vị trí tứ cậnh).

Ông Nguyễn Văn H có quyền, nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục công nhận quyền sử dụng phần đất theo quy định pháp luật.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Đ điều chỉnh một phần biến động diện tích 215,36m². Đất nuôi trồng thủy sản (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), tại một phần thửa số 86, tờ bản đồ số 06 (theo bản đồ địa chính chính quy lập năm 2006) do ông Cao Hoàng G đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (theo điều chỉnh quyền sử dụng đất của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ ngày 29/3/2017) tọa lạc tại ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí; chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/8/2020, nguyên đơn ông Cao Hoàng G kháng cáo không đồng ý toàn bộ nội dung Bản án số: 21/2020/DS-ST ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Giang giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của ông Cao Hoàng Giang, hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2020/DS-ST ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Qua đo đạc thực tế phần đất tranh chấp diện tích 215,36m², thuộc một phần thửa 78, tờ bản đồ số 08 do Ủy ban nhân dân huyện G (nay là huyện Đ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Cao B năm 1995 và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ xác nhận điều chỉnh việc tặng cho

quyền sử dụng đất cho ông Cao Hoàng G năm 2017 (nay thuộc một phần thửa 86, tờ bản đồ số 06 theo bản đồ chính quy lập năm 2006).

[2] Các đương sự thống nhất xác định phần đất tranh chấp là của ông Cao B nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn T vào khoảng năm 1987, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Ông B và các con của ông B đều xác định đất tranh chấp ông B cho ông H mượn khoảng năm 1987, sự xác định này phù hợp với lời khai của ông H và một số người làm chứng hiểu biết về nguồn gốc đất gồm ông Nguyễn Văn V, bà Lương Thị L, ông Cái Văn K, ông Trịnh Văn H (bút lục 132 – 135), nên có căn cứ xác định ông H là người trực tiếp quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp từ năm 1987 đến nay là trên 30 năm và trong quá trình sử dụng đất không ai ngăn cản và bắt đầu phát sinh tranh chấp với gia đình ông Giang từ năm 2017.

[4] Ông G xác định đất tranh chấp là ông B (cha ông G) cho ông H mượn canh tác; ông H xác định phần đất này ông B đã chuyển nhượng cho ông, vào thời điểm chuyển nhượng không làm giấy tờ, chỉ thỏa thuận bằng lời nói, nhưng đến năm 2014 các bên có làm giấy viết tay. Xét thấy: Ông G xác định ông B cho ông H mượn đất, nhưng không có chứng cứ chứng minh; ông H cung cấp “*tờ nhượng đất*” ngày 19/12/2014 giữa người nhượng đất ông B với người được quyền sử dụng là ông H. Tại lời khai ngày 12/12/2018 (bút lục 137 – 138) ông B thừa nhận chữ ký trong tờ nhượng đất trên là của ông, nhưng nội dung là ông có chuyển nhượng cho ông H 02 tầm và phần đất còn lại hiện đang tranh chấp là cho mượn chứ không phải cho, nhưng ông không có chứng cứ gì chứng minh. Tại lời khai ngày 12/12/2018 ông Cao Hòa V xác định cha ông là ông Cao B có kêu tôi ghi tờ nhượng đất cho ông H, nội dung giấy thể hiện ông Cao B nhượng cho ông H phần đất nền ngang 2 tầm (01 tầm 03m), ông B có cho thêm 02 tầm, tổng cộng là 04 tầm, dài 12 tầm, ông H đền cho ông B 10 gia lúa. Nội dung này ông B nói cho ông ghi lại; nội dung tờ nhượng đất cha ông yêu cầu ông viết, ông xác định nội dung là ghi theo ý chí của cha ông chứ không phải ý kiến của ông, tại thời điểm cha ông kêu ông viết tờ nhượng đất cho ông H thì tình trạng sức khỏe tốt nhưng trí nhớ kém, lúc nhớ lúc quên. Lời trình bày của ông V phù hợp với lời khai của ông H, nên có căn cứ xác định tờ nhượng đất trên được lập dựa trên ý chí tự nguyện của ông B và thực tế ông B có chuyển nhượng và tặng cho quyền sử dụng đất cho ông H. Do đó, có căn cứ chấp nhận lời trình bày của ông H về việc ông B có chuyển nhượng và tặng cho ông phần diện tích đất tranh chấp, chứ không phải cho mượn.

[5] Tuy nhiên, Hội đồng xét xử chưa phán quyết đối với yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của ông Cao Hoàng G tại phiên tòa hôm nay do năm 2006 khi lập bản đồ địa chính chính quy thì ông H và ông B đã kê khai tách thửa số 86 và thửa 93, nhưng năm 2017 Cơ quan có thẩm quyền cho chuyển quyền sử dụng đất từ ông B sang ông G (ghi trang 4) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông B năm 1995 nhưng lúc này đất tranh chấp do ông H đang quản lý, sử

dụng. Theo Công văn số 1459/UBND ngày 04/5/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Đ xác định khi lập bản đồ chính quy năm 2006 thì ông B đã chuyển quyền sử dụng đất cho ông H tại thửa số 86, tờ bản đồ số 06 có diện tích 215,36m² đang tranh chấp, việc năm 2017 cấp biến động quyền sử dụng đất cho ông G là không đúng đối tượng, sai vị trí, chồng lấn ranh giới và không đúng việc sử dụng đất trên thực tế. Theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 của Luật đất đai năm 2013 và Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai thì việc cấp sai vị trí, chôn lấn ranh giới và không đúng đối tượng thì phải hủy toàn bộ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để cấp lại cho đúng vị trí, thực tế sử dụng đất. Theo quy định tại Điều 34 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Luật tố tụng hành chính thì việc tranh chấp quyền sử dụng đất liên quan đến việc hủy quyết định cá biệt trái pháp luật cụ thể là hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân huyện Đ đưa vụ án ra xét xử là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cần hủy Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đ và Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu thụ lý lại vụ án theo thủ tục chung.

[6] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2020/DS-ST ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu và Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu thụ lý lại vụ án theo thủ tục chung.

[7] Về án phí phúc thẩm: Ông Cao Hoàng G không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1. Hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số: 21/2020/DS-ST ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp sẽ được giải quyết khi Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Cao Hoàng G không phải chịu. Ông G đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0007836 ngày 25/8/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại đủ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện ;
- CCTHADS huyện Đ;
- Đường sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

Lê Thanh Hùng